

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Trọng Cẩn và bà Thái Thị Hồng Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Đặng Văn T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

* **Bị cáo có kháng cáo:** **Đặng Văn T**, tên gọi khác: Tộc, **Tâm Là N**; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; cư trú tại: **Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 046091010048, cấp ngày 02/07/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông **Đặng T1** và bà **Phạm Thị X**; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 29/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện P L, xử phạt 2 năm 6 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 04/2012/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/11/2014, chưa chấp hành việc bồi thường trách nhiệm dân sự.

Về nhân thân:

- Ngày 13/8/2009, bị Tòa án nhân dân huyện P L xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 22/2009/HSST);

- Ngày 26/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố H, xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 228/2017/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2019, án phí hình sự sơ thẩm ngày 06/4/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/5/2023, chuyển tạm giam ngày 12/5/2023 cho đến nay. Có mặt.

* Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Nguyễn Văn Minh N1** không có kháng cáo và không bị kháng cáo hay kháng nghị gì.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/5/2023, Nguyễn Văn Minh N1, điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 75G1-375.CD đến khu vực “Bờ hồ” thuộc địa bàn thành phố H (không nhớ vị trí cụ thể) gặp một người phụ nữ (không rõ nhân thân lại lịch), liên hệ mua 19 viên ma túy, loại hồng phiến với giá 700.000 đồng, được gói trong 01 túi nilông màu xanh lá cây; sau đó, N1 đem về cất giấu tại bụi cây ven đường liên xã T - T P nhằm mục đích để sử dụng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Quang S liên lạc với N1 để hẹn gặp trả nợ số tiền 300.000 đồng mà S đã nợ N1 trước đó. N1 đồng ý và 02 người hẹn gặp nhau ở một ngôi nhà hoang tại thôn E, xã T, thị xã H. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 75G1-465.AB đến điểm hẹn để gặp N. Do trước đó, Lê Quang T2 cũng gọi điện cho S để rủ đi chơi nhưng do S đang bận việc gia đình chưa thể đến được nên nhờ N1 về nhà chờ T2. N1 chờ T2 đến ngôi nhà hoang và rủ T2 sử dụng ma túy thì T2 đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ 25 phút cùng ngày, khi N1 và T2 đang ngồi chơi tại ngôi nhà bỏ hoang thì Đặng Văn T liên lạc với N1 qua mạng xã hội để rủ N1 sử dụng ma túy. N1 đồng ý và nhắn tin trên ứng dụng messenger cho T “có anh, vào đây ngồi cho vui” và chỉ đường cho T đến nhà hoang ở thôn E, xã T. T nghe vậy nên rủ thêm Trần Công M (tức Ôt D), sinh năm: 1996, trú tại: Thôn I, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cùng đi sử dụng ma túy, thì M đồng ý. Sau đó, N1 một mình đi đến đường liên xã T-T P lấy ma túy cất giấu trước đó, còn T2 vẫn ở nhà hoang chờ. Lúc này, T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát: 75G1-476.EF (xe của chị Phan Thị Ngọc P1) chở M mang theo 01 ống nhựa (C sủi), bên trong có 01 lọ thủy tinh, nắp màu xanh có chứa nhiều viên ma túy đến nhà bỏ hoang.

N1 đi lấy ma túy về thì cả nhóm vào phòng thứ hai của nhà bỏ hoang để sử dụng. N1 lấy ra 04 viên ma túy loại hồng phiến (trong tổng số 19 viên) từ trong túi nilông màu xanh lá cây (đã để ra giữa phòng), 01 bật lửa ga; còn T lấy khoảng 4-5 viên ma túy cũng loại hồng phiến từ trong ống thủy tinh có nắp màu xanh để trong vỏ ống nhựa (C sủi) màu Cam -Xanh (ống C sủi còn chứa 157 viên nén và 01 mảnh viên nén ma túy khi bắt quả tang thu giữ tại vị trí 05), 01 bật lửa ga để cả nhóm cùng nhau sử dụng, còn các dụng cụ khác để sử dụng ma túy khác như đèn (T dùng đèn flas của điện thoại), vỏ chai nhựa, ống hút, giấy bạc có sẵn tại nhà hoang. Trong quá trình sử dụng ma túy, N1 liên lạc rủ S đến để cùng sử dụng ma túy và nhờ S mua nước mía đến uống thì S đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 75G1-465.AB (xe của chị Lê Thị N2) đến ngôi nhà bỏ hoang và cùng tham gia sử dụng. Đến lúc 19 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H phát hiện, bắt quả tang, riêng T2 và M bỏ chạy. Quá trình điều tra, Đặng Văn T không khai nhận hành vi phạm tội, không ký vào biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vào hồi 23 giờ 15 phút ngày 03/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Minh N1 tại thôn G, xã

T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện thu giữ 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu xanh.

Kết quả xét nghiệm mẫu nước tiểu ngày 3/5/2023, đối với Nguyễn Văn Minh N1, Đặng Văn T và Lê Quang S, Lê Quang T2 đều cho kết quả dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- Thu giữ tại hiện trường vụ án:

+ Vị trí số 01: 01 cục sạc dự phòng, màu: Trắng; 05 điện thoại di động (gồm: 01 điện thoại di động, hiệu: Nokia, loại phím bấm, màu: Đen; 01 điện thoại di động, hiệu: Nokia, loại phím bấm, màu: Xanh; 01 điện thoại di động, hiệu: iphone 11, màu: Đen; 01 điện thoại di động, hiệu: Samsung, màu: Xanh; 01 điện thoại di động, hiệu: Samsung, màu: Đen; 01 mảnh bì nilông, màu: Trắng; 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu đỏ (Được niêm phong và ký hiệu A1).

+ Vị trí số 02: 01 chai nhựa, màu: Trắng (Không có nước); 01 chai nhựa, màu: Trắng (Không có nước) và có gắn ống hút tự chế được làm bằng tờ tiền Ngân hàng N3 với mệnh giá 2.000 đồng; 01 tờ giấy bạc, trên tờ giấy này có để 02 mảnh viên nén màu đỏ bị cháy đen một phần (Được niêm phong và ký hiệu A2).

+ Vị trí số 03: 02 bật lửa gas; 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu đỏ (Được niêm phong và ký hiệu A3);

+ Vị trí số 04: 01 mảnh túi nilong, màu: xanh, bên trong có chứa tổng cộng 15 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ (Được niêm phong và ký hiệu A4).

+ Vị trí số 05: 01 vỏ ống nhựa (C sủi), màu: Xanh-C, có dòng chữ REDUXEN; bên trong có chứa: 01 lọ thủy tinh nhỏ, có nắp nhựa màu xanh lá cây và bên ngoài lọ thủy tinh có bọc băng keo, màu: Đen; 153 viên nén đều có dạng hình dạng trụ tròn màu đỏ; 04 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu xanh; 01 mảnh viên nén màu xanh (Toàn bộ các viên nén, mảnh viên nén màu xanh và màu đỏ đều được niêm phong trong gói niêm phong và ký hiệu A5).

+ Vị trí số 06: 01 đôi dép, màu: Đen; 01 mũ lưỡi trai, màu: Đen.

+ Vị trí số 09: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát: 75G1-375.CD, hiệu: Yamaha, loại: Sirius, màu: Đen-bạc.

+ Vị trí số 10: 01 xe mô tô mang BKS: 75G1-465.AB, hiệu: Honda, loại SH, màu: Trắng.

+ Vị trí số 11: 01 xe mô tô mang BKS: 75G1-476.EF, hiệu: Honda, loại SH, màu: Đen; bên trong cốp xe nói trên có chứa: 01 loa mini, hình tròn, màu: Đen, trong không rõ nhãn hiệu; 01 vỏ ống nhựa (Loại C sủi), màu: Cam, không có nắp và có dòng chữ MYVITA.

- Thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Văn Minh N1, gồm có: 01 ba lô, màu: Xanh, hiệu: The north Face; 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu xanh; 01 bật lửa ga, màu: Tím, hiệu: Viva; 01 vỏ chai nhựa, loại không có nước, có gắn một ống kim loại màu trắng. bên ngoài vỏ chai có ghi dòng chữ của nhãn hiệu: TEA; phần dưới đáy thân chai nhựa có gắn một ống kim loại màu trắng.

- Thu giữ của Lê Quang T2: 01 điện thoại di động, hiệu: iphone, màu: Đen, có số IMEL: 356955063001084, không có sim điện thoại.

Tại Bản kết luận giám định số: 216/KL-KTHS ngày 07/5/2023 của Phòng K thuộc Công an tỉnh T, kết luận:

- 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu đỏ, được niêm phong trong gói niêm phong có ký hiệu A1, gửi giám định, có khối lượng cân được là 0,0988g là ma túy, loại: Methamphetamine;

- 02 mảnh viên nén màu đỏ bị cháy đen một phần, được niêm phong trong gói niêm phong có ký hiệu A2, gửi giám định, có tổng khối lượng cân được là 0,0556g là ma túy, loại: Methamphetamine;

- 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu đỏ, được niêm phong trong gói niêm phong có ký hiệu A3, gửi giám định, có khối lượng cân được là 0,0966g là ma túy, loại: Methamphetamine;

- 15 viên nén có dạng hình trụ tròn màu đỏ, được niêm phong trong gói niêm phong có ký hiệu A4, gửi giám định, có tổng khối lượng cân được là 1,5272g là ma túy, loại: Methamphetamine;

- 153 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ, được niêm phong trong gói niêm phong có ký hiệu A5, gửi giám định, có tổng khối lượng cân được là 15,0941g là ma túy, loại: Methamphetamine;

- 04 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu xanh và 01 mảnh vỡ của viên nén màu xanh, được niêm phong trong gói niêm phong có ký hiệu A5, gửi giám định, có tổng khối lượng cân được là 0,3794g là ma túy, loại: Methamphetamine;

- 01 viên nén có dạng hình trụ tròn màu xanh, được thu giữ tại phòng ngủ của đối tượng N1 và được niêm phong, gửi giám định, có khối lượng cân được là 0,1053g là ma túy, loại: Methamphetamine.

* Về vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các xe mô tô mà S, T đã mượn để đi lại cho các chủ sở hữu hợp pháp; các vật chứng còn lại tiếp tục chuyển kho vật chứng để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 23/01/2024, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ các điểm g, o khoản 2 Điều 249; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; điểm b, h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Điều 55 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Đặng Văn T 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc Đặng Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 13 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/5/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt tù đối với Nguyễn Văn Minh N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tuyên xử lý vật chứng, tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/02/2024, bị cáo **Đặng Văn T** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp chấp kháng cáo của bị cáo **Đặng Văn T**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 03/5/2023, tại **Thôn E, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **Đặng Văn T** và **Nguyễn Văn Minh N1** đã cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine và chuẩn bị các dụng cụ như: bật lửa, chai nhựa, ống hút, đèn... rồi cùng với **Lê Quang T2**, **Trần Công M** và **Lê Quang S** sử dụng trái phép thì bị phát hiện bắt quả tang. Thu giữ lượng ma túy còn lại tại hiện trường mà **T** và **N1** đã chuẩn bị nhưng chưa kịp sử dụng hết là 1,7782g.

Ngoài ra, còn thu giữ của **Đặng Văn T** tại hiện trường chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 15,4735g. Quá trình điều tra đã làm rõ trọng lượng ma túy trên **Đặng Văn T** và các đối tượng khác không thể sử dụng hết trong ngày 03/5/2023. Thu giữ tại nơi ở của **Nguyễn Văn Minh N1** 0,1053g ma túy loại Methamphetamine, **N** cất giấu để sử dụng.

Với các hành vi trên, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã kết án bị cáo **Đặng Văn T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **T**, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tụ tập Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy là rất nguy hiểm, sẽ gây ra hậu quả rất xấu cho xã hội và sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhưng vì muốn có ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện của mình bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, không những xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn gieo mầm mống hiểm họa của bệnh tật, tệ nạn xã hội và gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[2.2] Về thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo:

Ngày 29/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện P L, xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 04/2012/HSST). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/11/2014 nhưng cho đến nay vẫn chưa chấp hành việc bồi thường trách nhiệm dân sự cho những người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan bị thiệt hại. Ngoài ra, trong lần phạm tội này, bị cáo luôn chối tội, gây khó khăn, cản trở cho công tác điều tra, xét xử tại giai đoạn sơ thẩm.

Điều này chứng tỏ bị cáo không biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội đã gây ra mà thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân để xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng mức, không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới, khác so với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **T** phải chịu theo luật định

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đặng Văn T**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2024/HS-ST ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng các điểm g, o khoản 2 Điều 249; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt **Đặng Văn T** 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng các điểm b, h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Đặng Văn T** 07 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội; Buộc **Đặng Văn T** phải chấp hành hình phạt chung là 13 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/5/2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Đặng Văn T** phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Trại tạm giam CA Tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT- Huế;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tx.H ;
- VKSND Tx.H;
- CQĐT CA Tx.H ;
- CQTHAHS Tx.H ;
- THADS Tx.H;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa HS, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú